



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 43 (từ 22/10 – 26/10/2018)



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

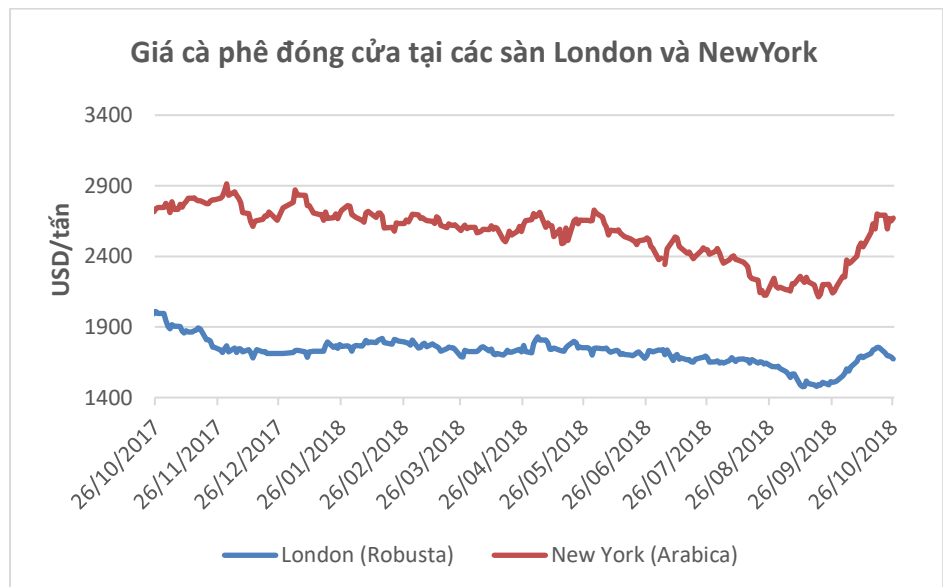
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này giảm 2,7% so với tuần trước

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 0,7% so với tuần trước

Giá cà phê diễn biến hỗn hợp khó dự báo trước tình hình chính trị phức tạp trên thế giới tác động đến ngành hàng này.

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.693,6 USD/tấn, giảm 2,7% so với tuần trước và thấp hơn 15,5% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.717 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.674 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.655,5 USD/tấn, tăng 0,7% so với tuần trước và thấp



hơn 3,1% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.691,8 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.593,7 USD/tấn [1].

Giá cà phê thế giới tuần qua có xu hướng hỗn hợp, trong đó giá cà phê robusta đảo chiều, giảm nhẹ so với tuần trước trong khi giá cà phê arabica vẫn tiếp tục tăng nhẹ. Theo báo cáo Scasa, khảo sát bầu cử tổng thống tại Brazil cho thấy ưu thế nghiêng về ông Jair Bolsonaro, người được cho sẽ có nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế nước này, khiến đồng Real tuần qua hồi phục 1,15% so với đồng USD và người nông dân Brazil giảm lượng cà phê xuất bán khiến giá cà phê arabica tăng. Trong khi đó, giá cà phê Robusta trở nên yếu trước áp lực thu hoạch vụ mùa mới ở Việt Nam, trong bối cảnh một số vùng đã bắt đầu thu hoạch cà phê chín sớm.

Theo các nhà quan sát, mặc dù kỳ vọng vào đồng Real Brazil hồi phục trở lại qua bầu cử tổng thống mới nhưng viễn cảnh Fed sẽ tăng lãi suất USD vào cuối năm và căng thẳng thương mại Mỹ – Trung Quốc kéo dài, trong khi khối EU vẫn chưa tìm ra lối thoát về vấn đề Brexit sẽ tác động mạnh đến thị trường ngành cà phê, khiến cà phê thời gian tới biến động đa chiều, khó dự báo.

Trong thời gian qua, ngoài diễn biến giá cả, thị trường thế giới tập trung thông tin về sản lượng xuất khẩu cà phê Brazil. Theo Hội đồng người xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafé) trong tháng 9 nước này chỉ xuất khẩu được 2,78 triệu bao (bao 60kg), giảm 13,3% so với tháng 8 và thấp hơn 27,1% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân do hạn chế về số lượng xe công-te-nơ và khoang chứa của các con tàu không đủ khiến cà phê bị ùn ứ, hoạt động xuất khẩu bị chậm lại.



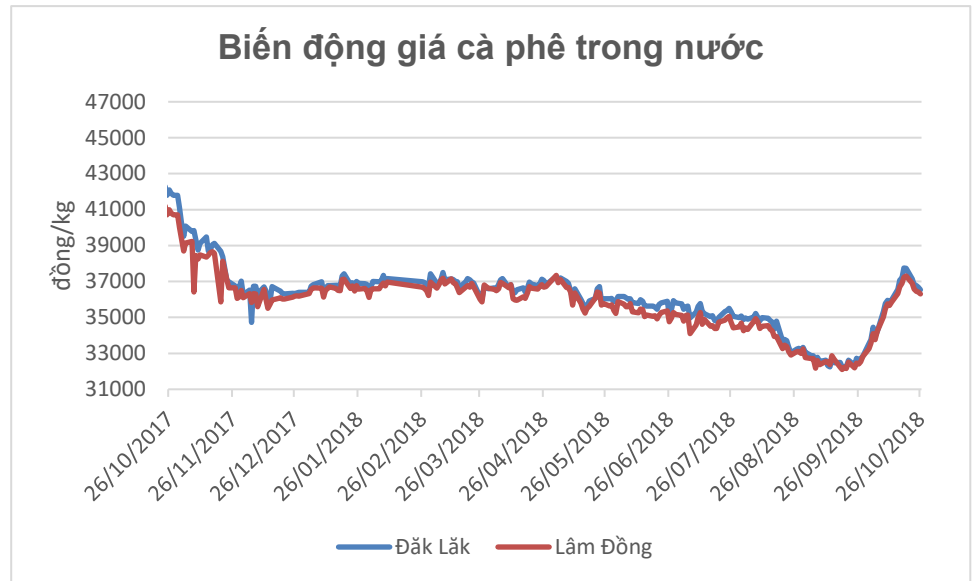
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên giảm nhẹ so với tuần trước.

Giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm 3,3 so với tuần trước xuống còn 1.601 USD/tấn.

Tổng cục Hải quan công bố dữ liệu xuất khẩu cà phê nửa đầu tháng 10/2018.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này đảo chiều so với tuần trước, giảm nhẹ tại một số tỉnh trồng cà phê chính. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 36.793 đồng/kg, giảm 470 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 14,4% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 360 đồng so với tuần trước, xuống còn 36.528 đồng/kg, và thấp hơn 13,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm 3,3% so với tuần trước xuống còn 1.601 USD/tấn và vẫn thấp hơn 10% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Giá cà phê trong nước biến động cùng chiều so với giá cà phê tham chiếu tại hai sàn New York và London. Liên tục trong 5 ngày từ 22 - 26/10/2018, giá cà phê Robusta nhân xô tại Việt Nam giảm mạnh khoảng từ 200 - 700 đồng/kg, trong đó ngày 23/10 giảm mạnh nhất 400 đồng/kg.

Mặc dù giá cà phê liên tục giảm những ngày trong tuần, nhưng trong phiên giao dịch ngày cuối tuần 27/10, thì mặt hàng ngày tăng trở lại khoảng 400 đồng/kg.

Việt Nam đã bắt đầu vụ thu hoạch mới, dự kiến sẽ đạt chính



vụ vào nửa cuối tháng 11. Áp lực nguồn cung tăng mạnh có thể khiến giá cà phê Robusta thế giới giảm trong thời gian tới. [6].

Thị trường cà phê trong nước tuần qua có một số tin đáng chú ý liên quan đến tình hình xuất nhập khẩu:

Theo số liệu từ Tổng Cục hải quan, xuất khẩu cà phê 15 ngày đầu tháng 10/2018 đạt 63,1 nghìn tấn, trị giá 112 triệu USD, tăng 6,4% về lượng và tăng 9,3% về trị giá so với 15 ngày đầu tháng 9/2018, so với cùng kỳ năm 2017 tăng mạnh 78,7% về lượng và tăng 35,8% về trị giá. Giá xuất khẩu bình quân đạt 1.775 USD/tấn. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/10/2018, giá xuất khẩu bình quân cà phê đạt 1.895 USD/tấn, thấp hơn 16,5% so với cùng kỳ năm 2017. [8].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	37,267	36,967	36,967	36,867	36,467	-433
Ea H'leo (xô vối)	37,367	36,833	36,933	36,800	36,733	-433
Krông Năng (xô vối)	36,933	36,733	36,633	36,600	36,533	-473
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	37,600	37,300	37,300	37,200	36,800	-440
Ea H'leo (xô vối)	37,700	37,200	37,300	37,100	37,000	-460
Krông Năng (xô vối)	37,200	36,900	36,800	36,700	36,633	-553
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	37,000	36,500	36,233	36,200	36,100	-573
Di Linh (xô vối)	36,500	36,433	36,300	36,200	36,000	-333
Lâm Hà (xô vối)	37,200	36,800	36,800	36,850	36,800	-177
Đà Lạt (xô chè)	53,667	49,667	53,000	52,667	53,667	667
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	37,500	37,000	36,733	36,700	36,600	-520
Di Linh (xô vối)	37,000	36,933	36,833	36,800	36,500	-307
Lâm Hà (xô vối)	37,800	37,400	37,400	37,450	37,200	-283
Đà Lạt (xô chè)	54,667	50,667	54,000	53,667	54,667	667
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	37,700	36,500	36,650	36,700	36,500	-510
Đắk R'lấp (xô vối)	36,867	36,433	36,333	36,433	36,233	-653
Đắk Song (xô vối)	37,000	36,600	36,450	36,550	36,350	-660
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	38,000	36,850	36,950	37,000	36,900	-400



Đắk Lắk (xô vối)	37,167	36,733	36,667	36,767	36,567	-833
Đắk Song (xô vối)	37,300	36,900	36,750	36,900	36,700	-710
Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	36,867	36,400	36,400	36,400	36,300	-733
Plei ku (xô vối)	36,900	36,500	36,400	36,400	36,400	-760
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	37,400	36,900	36,900	36,900	36,833	-740
Pleiku (xô vối)	37,533	37,067	36,967	36,967	36,967	-740
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36,800	36,500	36,400	36,300	36,200	-520
Đắk Hà (xô vối)	36,750	36,450	36,350	36,250	36,200	-500
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36,900	36,600	36,500	36,400	36,300	-560
Đắk Hà (xô vối)	36,900	36,600	36,500	36,400	36,300	-560

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

